

Nghiên cứu - Trao đổi

TƯ TƯỞNG “QUỐC DÂN TỰ LẬP” CỦA PHAN BỘI CHÂU TRONG BƯỚC CHUYỂN TƯ TƯỞNG VIỆT NAM CUỐI THẾ KỶ XIX ĐẦU THẾ KỶ XX

*Bùi Xuân Thanh**

TÓM TẮT

Tư tưởng Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có sự phát triển đột phá về chất trong lịch sử. Khởi đầu cho sự đột phá này là sự hình thành của dòng tư tưởng cải cách, canh tân đất nước, của những khát vọng tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc mà đại biểu là các sĩ phu, các nhà trí thức yêu nước. Trong số các sĩ phu yêu nước thời kỳ này, Phan Bội Châu chính là một trong những nhà tư tưởng canh tân tiêu biểu theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Trong toàn bộ di sản tư tưởng của ông, tư tưởng “Quốc dân

tự lập” là một trong những tư tưởng thể hiện rõ nét khát vọng của ông về nền độc lập dân tộc. Tư tưởng ấy cũng thể hiện tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu với một sắc thái mới thể hiện ở những quan điểm sâu sắc và cụ thể của ông về các vấn đề thuộc lĩnh vực dân chủ gắn liền với vận mệnh của dân tộc mình. Từ góc độ triết học chính trị, bài viết đi sâu phân tích tư tưởng “Quốc dân tự lập” của Phan Bội Châu và chỉ ra những giá trị cũng như những hạn chế của tư tưởng này.

Từ khóa: Phan Bội Châu, dân chủ, Quốc dân.

THE ROLE OF PHAN BOI CHAU’S THOUGHT THAT “PEOPLE HAVE TO STAND ON THEIR OWN FEET” IN VIETNAM IDEOLOGICAL SHIFT IN THE LATE NINETEENTH AND EARLY TWENTIETH CENTURIES

ABSTRACT

The ideology of people in Vietnam in the late Nineteenth and early Twentieth centuries had a historic breakthrough in quality. The beginning of such event was the formation of the line of thought advocating reform and renewal of the country of such people with the aspirations for the path to

national liberation represented by feudal intellectuals and patriotic intellectuals. Among the patriotic intellectuals of this period, Phan Boi Chau was one of the typical thinker on nation reforming in the Bourgeois Democratic tendency. Throughout his ideological heritage, the ideal that “People have to stand on their own feet” was one of the ideals expressing most clearly

* TS.GV. Khoa Lý luận chính trị, trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

his aspirations for national independence. This ideal also reflected Phan Boi Chau's patriotic spirit with a new nuance presenting in his insightful and specific views on the issues of democracy that were attached to the destiny of his nation. From the perspective of political philosophy, the article is to delve

Lịch sử tư tưởng Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn du nhập tư tưởng dân chủ tư sản vào nước ta. Cơ sở để tiếp nhận hệ tư tưởng này là giai cấp tư sản, nhưng lúc ấy giai cấp tư sản Việt Nam chưa ra đời. Đến nước ta trong điều kiện như vậy, tư tưởng dân chủ tư sản chỉ có thể tạo ra những gợi ý cho tư duy của lãnh tụ các phong trào yêu nước; và chính điều đó đã làm nên tính chuyển tiếp về mặt tư tưởng của tư tưởng Việt Nam ở giai đoạn này.

Trong giai đoạn chuyển tiếp về mặt tư tưởng đã đề cập trên đây, Phan Bội Châu (1867 – 1940) là người có vị trí rất đặc biệt. Cùng với Phan Châu Trinh (1872 – 1926), Phan Bội Châu chính là gạch nối của quá trình chuyển hóa từ chủ nghĩa yêu nước thuộc phạm trù trung đại sang chủ nghĩa yêu nước thuộc phạm trù cận đại; trong đó tư tưởng “quốc dân tự lập” của ông chính là một trong những gạch nối ấy.

Có thể nói, trong toàn bộ di sản tư tưởng Phan Bội Châu để lại cho chúng ta, tư tưởng “Quốc dân tự lập” là một trong những tư tưởng thể hiện rõ nét nhất khát vọng của ông về nền độc lập dân tộc. Tư tưởng ấy cũng thể hiện tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu với một sắc thái mới khi ông thẳng thắn vạch ra những tệ bệnh của quốc gia, dân tộc mình. Sắc thái mới ấy không chỉ làm phong phú thêm chủ nghĩa yêu nước với tư cách là dòng chủ lưu trong toàn bộ lịch sử tư tưởng Việt Nam, mà còn làm cho bước chuyển tư tưởng

into analyzing the ideal that “People have to stand on their own feet” of Phan Boi Chau and points out the values as well as limitations of this ideal.

Key words: *Phan Boi Chau, democracy, People.*

Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thêm sắc nét và đa dạng. Tư tưởng “Quốc dân tự lập” của Phan Bội Châu cũng cho thấy ông là một trong những nhà tư tưởng canh tân theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Tư tưởng ấy được thể hiện ở những quan điểm sâu sắc và cụ thể của ông về quyền con người và những vấn đề thuộc lĩnh vực dân chủ có liên quan chặt chẽ với vận mệnh của dân tộc mình.

Trong tư tưởng “Quốc dân tự lập” của Phan Bội Châu, “Quốc dân” gắn liền với dân chủ. Theo ông, trong xã hội phong kiến và trước đó chưa có dân chủ nên chưa có khái niệm “Quốc dân”. Điều đó có nghĩa, “Quốc dân” chỉ thực sự xuất hiện khi chế độ phong kiến được thay bằng chế độ dân chủ. Vậy “Quốc dân” là gì? Phan Bội Châu cho rằng ở nước ta vào những năm đầu thế kỷ XX, từ “Quốc dân” vẫn còn mới mẻ và chúng ta chỉ biết đến khái niệm ấy khi tư tưởng dân chủ tư sản thâm nhập vào nước ta. Tuy nhiên “Quốc dân” gắn với dân chủ không phải là sản phẩm của sự “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp, mà là kết quả của quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Ông viết: “Nào Lâm ấp, nào Chiêm Thành, nào Mên, nào Lạp, nếu không dân ta xưa dất đoàn, kéo đội, từ Bắc vào Nam, chải gió gội mưa, trèo non vượt bể, khua loài Chiêm, đuổi bày Lạp, hốt mấy ngàn dặm non sông bỏ vào trong túi mình, thì cơ đồ gấm vóc sau này, chúng ta làm sao trông thấy được?”

Suy thấu lẽ ấy mới biết rằng Quốc là

Quốc của dân ta, dân là ông chủ tiên chiếm của Quốc ta”¹

Như vậy, Phan Bội Châu đã xác định được một trong những quyền cơ bản nhất, thiêng liêng nhất của con người nói chung và của con người Việt Nam nói riêng là quyền làm chủ vận mệnh đất nước. Mặc dù Phan Bội Châu không trực tiếp bàn đến dân chủ nhưng ông đã cụ thể hóa tư tưởng dân chủ với tính cách là quyền lực của nhân dân thành quyền làm chủ của dân với nước. Khi nói về quyền của dân ta đối với đất nước, ông cũng chỉ rõ: “Trên dưới bốn nghìn năm, trong ngoài ba mươi vạn dặm, biết bao giầy máu, hột mủ tuôn đổ ra cung cấp cho nước đó, có một giọt nào không phải của dân ta đâu? Vì vậy nếu không có dân thì ai làm nên nước? Nếu không có nước thì còn quý gì dân”²; và ông khẳng định: “Linh hồn của nước là dân”, “Khu xác của dân là nước”³. Từ đó cho thấy, trong tư tưởng của Phan Bội Châu, “Quốc dân” có nghĩa là dân làm chủ nước; và quyền dân làm chủ nước chính là quyền thiêng liêng nhất của dân nên không thể tách rời dân với nước. Nếu dân mất nước thì dân sẽ mất tất cả, kể cả những quyền tối thiểu nhất của con người, nghĩa là mất tự do. Xuất phát từ đó Phan Bội Châu khẳng định các dân tộc trên thế giới đều có quyền bình đẳng và một trong những biểu hiện của quyền bình đẳng là địa vị quốc dân. Trong suy nghĩ của ông, “Quốc dân” là quyền của tạo hóa ban cho con người và con người phải biết đón nhận nó. Một dân tộc không có “chức quốc dân” là một dân tộc sống kiếp “gia nô”, đánh mất nhân quyền.

Khảo sát toàn bộ lịch sử nước ta từ đầu

thế kỷ XX trở về trước, Phan Bội Châu cho rằng trong các triều đại phong kiến nước ta chưa có “Quốc dân” mà chỉ có “gia nô”. Ông nói: “Gặp Đinh thời làm nô với Đinh, Gặp Trần thời làm nô với Trần Gặp Lê Lý thời làm nô với Lê Lý, phận con hầu, thàng ở, đòi được miếng cơm thừa, canh cặn thời đã lấy làm hơn hở, vinh quang, tối tăm đứng đầu ruộng mới có được bát cơm ăn, suốt đêm ngồi trên bàn khung cử mới có tấm áo mặc, mà thoát mở miệng ra thời chỉ nói rằng “com vua áo chúa””⁴ Theo đó, trong suốt thời kỳ phong kiến, ngay cả khi đất nước thái bình, dân ta không có quyền làm chủ đất nước. Cái quyền ấy là của vua chúa, còn dân chỉ biết phục tùng vua chúa một cách mù quáng.

Xuất thân trong một gia đình dòng dõi nho học, bản thân là người am hiểu sâu sắc học thuyết Khổng Mạnh, Phan Bội Châu tiếp thu tư tưởng “dân vi quý” của Mạnh Tử. Ông cho rằng, thân phận “gia nô” mà dân ta phải gánh chịu trong suốt thời kỳ phong kiến là một sự bất công. Nhưng theo ông sự bất công ấy không phải do trời quy định mà do sự kém hiểu biết của dân. Từ đó ông khẳng định, nếu dân ta muốn đòi quyền “Quốc dân” đã mất, thì trước hết phải ý thức về quyền “Quốc dân”. Cái quyền ấy không thể đến với dân tộc nào kém hiểu biết về quyền con người, quyền làm chủ. Từ quan điểm “Gia nô là thàng ở của một nhà, quốc dân là ông chủ của một nước”⁵, Phan Bội Châu kêu gọi dân ta: “Gia nô! gia nô! Cái oai kiếp đó từ nay nên sám hối là phải”⁶. Theo ông, “Gia nô” phải “gánh chức quốc dân” vì đó không chỉ là quyền lợi, mà còn là nghĩa vụ của mỗi người dân nước ta trong thời đại mới. Trong suy nghĩ của ông, bỏ thân phận nô lệ, con ở để “gánh chức quốc dân” còn là đạo làm người, là “lương tri” của

¹ Phan Sào Nam, Cao đẳng Quốc dân, Nxb. Anh Minh, Huế, 1957, tr 8.

² Phan Sào Nam, sđd, tr 8 – 9.

³ Phan Sào Nam, sđd, tr 9.

⁴ Phan Sào Nam, sđd, tr 10.

⁵ Phan Sào Nam, sđd, tr 11.

⁶ Phan Sào Nam, sđd, tr 11.

chúng ta, vì như vậy là chúng ta biết bỏ phần ty tiện, giành lấy phần cao quý.

“Gánh chức quốc dân” nghĩa là dân giành lấy quyền làm chủ đất nước. Để làm được điều đó, theo Phan Bội Châu chúng ta phải tự cứu lấy mình. Ông nói: “đạo trời rất công phu, lòng trời rất nhân ái, người nước nào cũng là con trời cả, trời vẫn xem làm bình đẳng, trời có thương gì dân nước ta ? Cái chức quốc dân... trời vẫn ban cho ta”¹. Như vậy, theo Phan Bội Châu quyền làm chủ của dân với nước là quyền tự nhiên, vốn có nên không cần và không thể cầu xin ở trời. Chúng ta cũng không thể cầu xin quyền ấy của một dân tộc khác, đặc biệt là ở kẻ thù đã cướp quyền ấy của dân ta vì nếu ta thoát khỏi sự đô hộ và gánh chức quốc dân thì kẻ đô hộ cũng mất đi đặc quyền, đặc lợi của nó. Chính vì thế, để lấy lại “chức quốc dân”, lòng ta phải kiên định hướng về nó, “vai ta gánh, tay ta đỡ, sức ta đưa, trí khôn ta tìm tòi”², nghĩa là chúng ta phải biết tự lập, tự cường – dân làm chủ nước phải bằng con đường tự lập. Từ đó cho thấy “Quốc dân tự lập” là nhân dân làm chủ đất nước bằng nội lực. Nói cách khác, một dân tộc phải giành được độc lập và xây dựng một chế độ xã hội, trong đó nhân dân làm chủ đất nước bằng chính tiềm lực của dân tộc mình.

Trong tư tưởng của Phan Bội Châu, “Quốc dân tự lập” gắn liền với “Quốc dân cao đẳng”, trong đó “Quốc dân tự lập” quy định và làm nên “Quốc dân cao đẳng”, nghĩa là dân làm chủ đất nước là điều kiện để đưa dân địa vị “cao đẳng”. Chính vì thế trong suốt cả cuộc đời, Phan Bội Châu luôn luôn trăn trở, suy tư tìm ra con đường giải phóng dân tộc để quốc dân tự lập vươn lên bằng các cường quốc năm châu. Con đường ấy, theo ông là

phải loại bỏ được những mặt tiêu cực mà ông gọi là “tệ bệnh” của dân ta. Trong bối cảnh xã hội đương thời, Phan Bội Châu thẳng thắn chỉ ra những “căn bệnh” của dân ta là: tính ỷ lại, lòng giả dối, thói nhút nhát, tham lợi riêng, hư danh, không thực lòng yêu nước, không biết hợp quần, mê tín hủ tục, không biết làm kinh tế và không biết thương nòi giống. Xuất phát từ cách đặt vấn đề như vậy, Phan Bội Châu đưa ra các giải pháp nhằm chữa khỏi những “căn bệnh” này vì theo ông chỉ khi nào loại trừ được những “căn bệnh” ấy chúng ta mới có thể tự lập, đưa đất nước tới chỗ phú cường.

Nói về bệnh “ỷ lại”, Phan Bội Châu nhắc lại câu tục ngữ: “Tháp đổ có Ngô xây, việc gì vợ góa lo ngày, lo đêm” để phê phán sự bàng quan của một số người trước vận mệnh của đất nước. Trong suy nghĩ của ông, việc Đồng Khánh cam tâm làm tay sai cho giặc, Thành Thái (1889-1907) bắt lặc và bế tắc, Khải Định (1916-1925) và Bảo Đại (1925-1945) là bù nhìn, là con bài tội nghiệp trong tay thực dân Pháp, chính là hậu quả của thói ỷ lại. Từ đó ông kêu gọi “tính tự cường” của nhân dân. Tự cường, theo cách hiểu của Phan Bội Châu là “ai nấy cũng như nhối tinh thần, rón vai nong cánh, đồng một lòng, đều một sức, mình sắp lấy núi sông mình, tháp mình mình xây”³. Đối với ông, “tính tự cường” là phương thuốc chữa “căn bệnh ỷ lại”, nên chỉ có sự tự cường mới có thể đưa dân ta ra khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp, đứng lên làm chủ đất nước, làm chủ cuộc đời.

Bệnh giả dối, theo Phan Bội Châu, được sinh ra từ thói “ỷ lại” cũng là một trong những nguyên nhân làm cho quốc dân không thể tự lập. Trong xã hội đương thời, bệnh giả dối có ở tất cả các tầng lớp sĩ, nông, công, thương: “Sĩ hay giả dối thời tìm tòi đạo lý, không cậy

¹ Phan Sào Nam, sdd, tr 9 – 10.

² Phan Sào Nam, sdd, tr 13.

³ Phan Sào Nam, sdd, tr 16.

óc mình mà cậy tai, nông hay giả dối thời cày cấy ruộng trua, không cậy mình mà cậy đất, công hay giả dối thường phần sức lừa đời mà không cầu thực dụng, thương hay giả dối thời đua nhau bọm vật mà mất cả lợi to. Thậm chí muốn đạo đức làm lối cầu danh mà trá vàng ở ngoài mặt, mượn nhân nghĩa làm mối cầu lợi mà xúc mật ở đầu môi”¹. Theo đó, giả dối là “tay dối lòng”, “miệng dối dạ”, lời nói, cử chỉ, mượn tiếng đạo đức, nhân nghĩa, nhưng thực ra trong tâm chỉ mong cầu lợi ích riêng cho bản thân mình... Phan Bội Châu cho rằng, bệnh giả dối tất yếu sẽ đưa đất nước đến tình trạng suy vong. Muốn loại trừ nó, mọi người phải có “lòng thành thực”. Khi tất cả mọi người có “lòng thành thực” mưu cầu lợi ích chung, đất nước sẽ trở nên phú cường và tự lập.

Đối với các “căn bệnh” khác như: tính “nhút nhát” “tham lợi riêng”, “hư danh”, “ái quốc giả”, “không hợp quần”, “không thương nòi giống”, mặc dù biểu hiện có khác nhau và “phương thuốc chữa trị” cho từng “căn bệnh” ấy không giống nhau nhưng về mặt phương pháp đều giống như cách chữa trị hai căn bệnh “ỷ lại” và “giả dối” đã đề cập trên đây. Để chữa “căn bệnh nhút nhát”, Phan Bội Châu kêu gọi “gan cả quyết”, ông lấy “lòng công ích” chữa lành “tham lợi riêng”, dùng “thực nghiệp” để trị thói “tham danh”, sử dụng lòng nhiệt thành chữa căn bệnh “ái quốc giả”, hô hào “đồng tâm” để loại trừ chứng “không hợp quần”, và kêu gọi “lòng thân ái” để chữa căn bệnh “không biết thương nòi giống”.

Với cách đặt và giải quyết vấn đề trên đây của Phan Bội Châu, chúng ta nhận thấy ở ông một bầu nhiệt huyết và một tấm lòng yêu nước hết sức chân thành. Song cũng phải thừa nhận rằng, cái cách ông giải quyết vấn đề là không triệt để. Phần lớn “căn bệnh”

và “đơn thuốc” chữa trị chúng chỉ là những mệnh đề mâu thuẫn nhau, nhưng Phan Bội Châu không hướng tới giải quyết những mâu thuẫn đó. Mặc dù tính tự cường, lòng thành thực, gan cả quyết, lòng công ích, vai thực nghiệp, sự đồng tâm, hay lòng nhân ái là những phẩm chất làm nên sức mạnh của một dân tộc. Nhưng vấn đề là ở chỗ bằng con đường nào để khơi dậy và rèn luyện cho dân ta có được những phẩm chất ấy thì Phan Bội Châu lại chưa trả lời được câu hỏi đó. Điều đó cho thấy Phan Bội Châu đã lấy ý chí làm điểm xuất phát để nói lòng mình lan tỏa tới người trong việc kêu gọi yêu nước và rèn luyện tinh thần dân tộc. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội đầy những biến cố phức tạp, những giải pháp thiên về ý chí của ông đưa ra sẽ gặp rất nhiều lực cản, làm cho nó không thể hiện một cách suôn sẻ và khó trở thành phổ biến. Khi những giải pháp thiên về ý chí ấy không thể đi vào cuộc sống, không giải quyết được mối quan hệ giữa nó với những “tệ bệnh” của nhân dân thì việc hiện thực hóa “Quốc dân tự lập” chỉ là sự thể hiện mờ nhạt.

Trước sự xung đột giữa lẽ phải và dục vọng, Phan Bội Châu cũng chỉ đề cao lòng yêu nước để xoa dịu tình hình mà không thực sự giải quyết mâu thuẫn đó. Ông mong con người hướng thiện và từ bỏ tệ bệnh, nhưng con người có hướng thiện được hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sinh lý, hoàn cảnh khách quan, điều kiện sống... Phan Bội Châu chưa sử dụng và kết hợp chặt chẽ các yếu tố ấy để giảm bớt những sai trái trong hành vi con người nên dù có nêu cao tinh thần đạo đức, góp phần kiềm chế những hành vi không theo lẽ phải, song nhìn chung vẫn hạn chế. Tuy nhiên, hạn chế của ông cũng là hạn chế của thời đại. Không chỉ riêng ông, mà các sĩ phu yêu nước cùng thời cũng đã rơi vào bế tắc trong việc tìm ra con đường đưa “Quốc dân” lên hàng “cao đẳng”.

1 Phan Sào Nam, sđd, tr 17.

Ngoài những hạn chế mang tính thời đại trên đây, tư tưởng “Quốc dân tự lập” của Phan Bội Châu cũng có nhiều điểm đặc sắc mang giá trị nhân loại phổ biến; và một trong những điểm đặc điểm sắc đáng lưu ý đó chính là chủ trương phát triển khoa học, kinh tế nhằm chấn hưng đất nước.

Trong mười “căn bệnh” làm cho quốc dân không thể tự lập mà Phan Bội Châu đưa ra có hai “căn bệnh”: mê tín hủ tục và không biết làm kinh tế. Về “căn bệnh mê tín”, Phan Bội Châu chỉ rõ đó là sự mê tín quyền vua, quyền quan. Ông nhấn mạnh: “Bệnh mê tín rất nặng là mê tín quyền vua, vì mê tín quyền vua nên mê tín quyền quan, mà quyền vua, quyền quan lại lợi dụng quyền thần làm xe pháo”¹. Trong khi người ta mê tín những quyền ấy thì đồng thời đánh mất “quyền dân” của mình.

Theo Phan Bội Châu, nguyên nhân sinh ra căn bệnh “mê tín hủ tục” là do “dân không trí; dân không có trí nên mới mê tín quá nhiều”². Ông chỉ rõ: nền chính trị của vua chúa là nền chính trị thần quyền. Tin theo nền chính trị thần quyền là do ngu trí. Nhân vì “ngu” mà sinh ra “hủ”, vì “hủ” mà lại thêm “ngu” nên mới bằng lòng với kiếp “cu ly” làm mất đi lẽ sống của mình. Muốn bài trừ căn bệnh “mê tín hủ tục”, Phan Bội Châu chủ trương phát triển giáo dục và phát triển khoa học nhằm nâng cao tri thức cho nhân dân. Điều đáng lưu ý là Phan Bội Châu không chỉ đề cao tri thức khoa học. Để đánh đổ sự mê tín thần quyền và đề “Quốc dân tự lập”, ông đã thấy sự cần thiết phải nâng cao tri thức chính trị - xã hội cho dân, chẳng hạn như tri thức về quyền con người, về tự do...

Quan điểm của Phan Bội Châu về sự phát triển kinh tế nhằm chấn hưng đất nước về thực chất là quan điểm đề cao “nội hóa”,

bài trừ “ngoại hóa”. Nếu đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay thì quan điểm ấy không còn phù hợp. Nhưng nếu xem xét quan điểm ấy một cách toàn diện và đặt nó trong bối cảnh xã hội đương thời khi nước ta đang chịu sự đô hộ của thực dân Pháp, thì quan điểm ấy vẫn có những giá trị nhất định.

Trước hết, giá trị của tư tưởng ấy ở chỗ Phan Bội Châu đã xác định đúng “Nguồn bẻ phú cường chỉ cốt ở đường kinh tế”³. Theo ông, “đường kinh tế” là con đường phát triển kinh tế đất nước, hay cách làm kinh tế. Nhưng đó là cách làm kinh tế để nước ta có thể “tự lập”, nên ông cho rằng phải đề cao “nội hóa”. “Nội hóa” là “đồ ăn ta, ta ăn, đồ mặc ta, ta mặc, đồ dùng ta, ta dùng”⁴. Trong suy nghĩ của ông, chỉ bằng cách ấy nghề nghiệp mới mở rộng, dân trí mới phát triển, tạo nên thế nước ta đua tranh với nước khác.

Mặt khác để phát triển kinh tế, Phan Bội Châu yêu cầu chúng ta cần phải tiết kiệm để mở rộng sản xuất, phải biết tận dụng những gì thiên nhiên đã ưu đãi cho nước ta. Ông nhấn mạnh: “Sinh nở thường vô cùng, mà tiêu hao thời thường có hạn; của trời đất sinh ra thời biết đường lợi dụng, của nhân lực làm ra thời biết đường mở mang”⁵. Đối với sự phát triển kinh tế ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng này vẫn là tư tưởng có giá trị định hướng và mang tính thời sự.

Giá trị đáng lưu ý nữa trong quan điểm tự lập về kinh tế của Phan Bội Châu là ông đã nhận thấy vai trò của khoa học và máy móc đối với sự phát triển sản xuất. Mặc dù bài trừ “ngoại hóa” nhưng Phan Bội Châu không phủ nhận những thành tựu văn minh nhân loại đã đạt được. Chính vì thế ông đòi hỏi chúng ta phải học được những cái hay của

1 Phan Sào Nam, sđd, tr 33.

2 Phan Sào Nam, sđd, tr 33.

3 Phan Sào Nam, sđd, tr 36.

4 Phan Sào Nam, sđd, tr 36.

5 Phan Sào Nam, sđd, tr 38.

“ngoại quốc”; và theo ông, một trong những cái hay ấy chính là “dùng máy móc đỡ chân tay”. Ông viết: “Người ngoại quốc lấy máy móc đỡ chân tay mà mình không biết học”¹. Trong bối cảnh xã hội đương thời, tư tưởng ấy của Phan Bội Châu là tư tưởng tiên bộ đi trước thời đại.

Tóm lại: Nếu lịch sử tư tưởng Việt Nam giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là giai đoạn chuyển tiếp về tư tưởng, thì tư tưởng “Quốc dân tự lập” của Phan Bội Châu là một trong những tư tưởng thể hiện được tính chuyển tiếp ấy. Thông qua tư tưởng đó, Phan Bội Châu đã nói lên khát vọng của cả một dân tộc về một nền độc lập, về tự do và dân chủ. Thế nhưng, với cách đặt và giải quyết vấn đề trong tư tưởng “Quốc dân tự lập” đã chứng tỏ các sĩ phu yêu nước đương thời nói chung và Phan Bội Châu nói riêng vẫn còn đang trên con đường tìm kiếm ra hướng đi mới cho đất nước.

Con đường nào có thể đưa dân tộc ta tới độc lập, tự do? Các sĩ phu yêu nước đương thời cũng như Phan Bội Châu đã thật sự bế tắc trong việc trả lời câu hỏi ấy. Mặc dù Phan Bội Châu cũng từng nói tới sự cần thiết có

một chủ nghĩa soi đường dẫn lối dân ta thoát khỏi cảnh nước nước mất nhà tan, nhưng chủ nghĩa ấy là gì thì ông lại không có câu trả lời cụ thể. Chính vì không có chủ trương về một chủ nghĩa nhất định nên Phan Bội Châu không thể lãnh đạo nhân dân làm sự nghiệp cách mạng giải phóng đất nước.

Tuy nhiên chúng ta phải thừa nhận rằng, Phan Bội Châu chỉ có thể làm được những gì mà ông và thời đại ông có thể làm nên cho dù cuộc đời ông “chỉ toàn thất bại” như ông đã thừa nhận, nhưng ông vẫn mãi mãi là một tấm gương sáng về lòng yêu nước và tinh thần cách mạng. Tư tưởng Phan Bội Châu nói chung và tư tưởng “Quốc dân tự lập” của ông nói riêng mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng vẫn có giá trị gợi mở cho các thế hệ người Việt Nam trên con đường cách mạng và kiến thiết quốc gia. Có thể nói, giá trị của tư tưởng “Quốc dân tự lập” không phải ở tính hàn lâm, mà ở vai trò thực tiễn của nó. Trong bối cảnh xã hội đương thời, tư tưởng ấy có vai trò không nhỏ đối với việc cổ vũ lòng yêu nước, khích lệ lòng tự hào dân tộc và làm rõ bản phận, trách nhiệm của mỗi người Việt Nam trước vận mệnh của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Phan Sào Nam: *Cao đẳng Quốc dân*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1957.
 [2]. Phan Bội Châu: *Khổng học đấng*, Nxb. Anh Minh, Huế, 1957.
 [3]. Phan Bội Châu: *Toàn tập*, 10 tập, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1990.

- [4]. Phan Bội Châu: *Việt Nam quốc sử khảo*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1962.
 [5]. Phan Bội Châu niên biểu, Nxb. Văn – Sử - Địa, Hà Nội, 1957.
 [6]. Chương Thâu: *Phan Bội Châu về một số vấn đề văn hóa – xã hội – chính trị*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2000.

¹ Phan Sào Nam, sđd, tr 36.